TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 265/2021/KDTM-ST
Ngày: 05/5/2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Đăng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Minh Trí

Ông Nguyễn Ngọc Hai

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông Lê Viễn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021 tại phòng xử án của Toà án nhân dân quận Phú Nhuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại sơ thẩm thụ lý số 326/2020/TLST-KDTM ngày 29/5/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-KDTM ngày 05/3/2021, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXX-KDTM ngày 05/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-KDTM ngày 05/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 1 MK

Trụ sở: Tầng 2, Tòa nhà L, 67 Mai Chí T, phường AP, Quận H, Thành phố H

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn S. Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị T. Giấy ủy quyền số 03/UQ-MK ngày 28/02/2020

(có mặt)

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Kỹ thuật Xây dựng TTP

Trụ sở: 3.11 Tầng 3, số 38 Trương Quốc D, Phường T, quận P, Thành phố H

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Duy H. Chủ tịch công ty.

Thường trú: Tổ 6, phường L, thành phố V, tỉnh NA

(vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 04/3/2020 và các lời khai tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đặng Thị T trình bày:*

Ngày 16/12/2017 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 1 MK (gọi là Công ty MK) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Kỹ thuật Xây dựng TTP (gọi là Công ty TTP) ký kết Hợp đồng mua bán bê tông số 570/KD2/2017/CC1-MK về việc cung cấp bê tông trộn sẵn cho công trình Cao ốc Văn phòng Phượng Long 2 tại địa chỉ 16 Nguyễn Trường T, Phường M, Quận T, Thành phố H.

Thực hiện hợp đồng, từ ngày 16/12/2017 đến ngày 22/6/2019 Công ty MK đã cung cấp một khối lượng bê tông là 5.915.60 m^3, giá trị 9.257.181.000 đồng. Công ty TTP chỉ thanh toán một phần số tiền trên là 7.851.371.000 đồng. Ngày 31/7/2019 hai bên đối chiếu công nợ chốt số liệu phần cung cấp và số liệu phần thanh toán, Công ty TTP còn nợ số tiền 1.405.810.000 đồng. Ngày 29/02/2020, Công ty TTP tiếp tục xác nhận còn nợ số tiền mua hàng là 1.355.810.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 28/02/2020 là 142.198.866 đồng. Công ty MK đã xuất đầy đủ hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty TTP đối với số tiền mua hàng đã thanh toán và số tiền mua hàng chưa thanh toán nêu trên.

Tại đơn khởi kiện, Công ty MK yêu cầu Công ty TTP thanh toán tiền mua hàng còn thiếu 1.355.810.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 28/02/2020 là 142.198.866 đồng. Ngoài ra Công ty MK yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm thanh toán cho đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty MK bổ sung các chứng cứ sau:

- Giấy báo có nhận số tiền 80.000.000 đồng do Công ty TTP trả.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty MK thay đổi yêu cầu khởi kiện sau:

Sau khi nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Công ty TTP đã thanh toán thêm các khoản như sau:

- Ngày 27/3/2020 Công ty TTP đã thanh toán tiền lãi là 71.099.433 đồng. (đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng)

- Ngày 03/6/2020 Công ty TTP đã thanh toán số tiền mua hàng là 181.696.801 đồng.

- Ngày 11/6/2020 Công ty TTP đã thanh toán số tiền mua hàng là 115.283.199 đồng.

- Ngày 05/01/2021 Công ty TTP đã thanh toán số tiền mua hàng là 80.000.000 đồng.

Công ty MK thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện: yêu cầu Công ty TTP thanh toán tiền mua hàng còn thiếu 978.830.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 29/02/2020 đến ngày 05/5/2021 là 79.635.130 đồng phát sinh từ Hợp đồng mua bán bê tông số 570/KD2/2017/CC1-MK ngày 16/12/2017.

* Đại diện hợp pháp của bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong vụ án: Các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 85, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Hồ sơ thể hiện Công ty TTP xác nhận còn nợ số tiền mua hàng của Công ty MK. Căn cứ Điều 50, Điều 306 của Luật Thương mại, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty MK.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp về hợp đồng mua bán. Căn cứ khoản 1 Điều 3 của Luật Thương mại năm 2005, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt đại diện hợp pháp của bị đơn:

Theo kết quả xác minh Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TTP đặt trụ sở tại địa chỉ 3.11 Tầng 3, số 38 Trương Quốc D, Phường T, quận P, Thành phố H, người đại diện theo pháp luật ông Trần Duy H, chức danh chủ tịch công ty. Theo xác minh của công an phường L, ông H có đăng ký thường trú tại Tổ 6, phường L, thành phố V, tỉnh NA. Thực tế ông H không cư trú tại địa chỉ trên, từ năm 2018 ông H đã vào Thành phố Hồ Chí Minh và thường xuyên vắng nhà.

Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận đã tống đạt hợp lệ tại địa chỉ trụ sở công ty và nơi cư trú của ông H về việc triệu tập Công ty TTP tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm lần 1 ngày 05/4/2021 và phiên tòa hôm nay. Tuy nhiên, Công ty TTP vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt đại diện hợp pháp của Công ty TTP.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét Hợp đồng mua bán bê tông số 570/KD2/2017/CC1-MK ngày 16/12/2017 được ký kết giữa Công ty MK và Công ty TTP. Ông Phạm Văn H1 được đại diện Công ty MK ký kết hợp đồng theo Giấy ủy quyền số 406/GUQ-MK ngày 31/8/2017. Ông Tạ Đình C đại diện Công ty TTP ký kết hợp đồng. Theo Công văn số 2710-03/2020/CV-TTP Cons ngày 27/10/2020, đại diện theo pháp luật của Công ty TTP xác nhận việc ký kết hợp đồng nêu trên với Công ty MK. Căn cứ khoản 1 Điều 142 của Bộ luật dân sự năm 2015, trường hợp này xem như người đại diện theo pháp luật của Công ty TTP đã công nhận hợp đồng.

Như vậy nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định Điều 24 của Luật Thương mại năm 2005 nên có hiệu lực pháp luật.

[3.2] Về số tiền mua hàng phát sinh từ Hợp đồng mua bán bê tông số 570/KD2/2017/CC1-MK ngày 16/12/2017.

Theo Biên bản đối chiếu và cấn trừ công nợ ngày 31/7/2019, Công ty MK và Công ty TTP cùng xác nhận Công ty TTP còn nợ số tiền 1.405.810.000 đồng của công trình Cao ốc văn phòng Phượng Long 2 đối với các hóa đơn cụ thể sau:

- Hóa đơn số 3994 ngày 15/12/2018 giá trị tiền mua hàng là: 197.825.000 đồng.

- Hóa đơn số 4148 ngày 26/12/2018 giá trị tiền mua hàng là: 593.055.000 đồng.

- Hóa đơn số 4247 ngày 31/12/2018 giá trị tiền mua hàng là: 67.690.000 đồng.

- Hóa đơn số 4418 ngày 07/01/2019 giá trị tiền mua hàng là: 171.360.000 đồng.

- Hóa đơn số 4489 ngày 15/01/2019 giá trị tiền mua hàng là: 53.810.000 đồng.

- Hóa đơn số 1155 ngày 31/5/2019 giá trị tiền mua hàng là: 26.080.000 đồng.

- Hóa đơn số 1312 ngày 07/6/2019 cấn trừ giá trị tiền thanh toán dư là: 990.000.000 đồng.

- Hóa đơn số 1532 ngày 22/6/2019 giá trị tiền mua hàng là: 296.980.000 đồng.

Và tại Bảng kê chi tiết công nợ ngày 28/02/2020 và Biên bản thỏa thuận ngày 29/02/2020, hai bên tiếp tục xác nhận số nợ phát sinh từ hợp đồng nêu trên là 1.355.810.000 đồng.

Sau đó tại Công văn số 2710-03/2020/CV-TTP Cons ngày 27/10/2020, đại diện theo pháp luật của Công ty TTP xác nhận sẽ thanh toán công nợ từ Hợp đồng mua bán bê tông số 570/KD2/2017/CC1-MK ngày 16/12/2017 với số tiền 1.058.830.000 đồng.

Các chứng cứ này đã được Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận đã tiến hành công khai tại phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và đã được thông báo cho Công ty TTP biết. Tuy nhiên Công ty TTP không có ý kiến gì.

Ngoài ra, theo xác minh của Chi cục Thuế quận Phú Nhuận, đại diện theo pháp luật của Công ty TTP xác nhận đã nhận và kê khai đầy đủ hóa đơn nêu trên do Công ty MK xuất vào kỳ cuối cùng là tháng 7/2019.

Căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở xác định Công ty TTP còn nợ số tiền 1.058.830.000 đồng phát sinh từ Hợp đồng mua bán bê tông số 570/KD2/2017/CC1-MK ngày 16/12/2017.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Ngày 05/01/2021 Công ty TTP đã thêm thanh toán số tiền 80.000.000 đồng. Công ty TTP còn nợ số tiền mua hàng là 978.830.000 đồng. Do đó Công ty MK yêu cầu Công ty TTP thanh toán tiền mua hàng còn thiếu là 978.830.000 đồng. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện này.

[3.3] Về số tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 05/5/2021 là 79.635.130 đồng.

Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là bảng kê chi tiết công nợ đến ngày 28/02/2020, hai bên xác nhận tiền lãi chậm trả được tính đến ngày 28/02/2020 số tiền là 142.198.866 đồng. Đồng thời tại biên bản thỏa thuận ngày 29/02/2010 hai bên cũng tiếp tục xác nhận số tiền lãi này và Công ty MK đồng ý giảm 50% số tiền lãi nêu trên.

Thực tế Công ty TTP đã thanh toán tiền lãi chậm trả này vào ngày 27/3/2020 là 71.099.433 đồng (Công ty MK đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng).

Theo mục [3.2], Công ty TTP có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ 1.355.810.000 đồng. Thực tế Công ty TTP có thanh toán, nhưng không đầy đủ số tiền nợ này như sau:

- Ngày 03/6/2020 Công ty TTP đã thanh toán số tiền mua hàng là 181.696.801 đồng.

- Ngày 11/6/2020 Công ty TTP đã thanh toán số tiền mua hàng là 115.283.199 đồng.

- Ngày 05/01/2021 Công ty TTP đã thanh toán số tiền mua hàng là 80.000.000 đồng.

Do đó kể từ ngày 29/02/2020 Công ty MK tiếp tục tính lãi chậm trả đối với số tiền nợ mua hàng chưa thanh toán như sau:

- Từ ngày 29/02/2020 đến ngày 27/3/2020: 1.335.810.000 đồng x 6%/năm x 27 ngày = 6.421.092 đồng.

- Từ ngày 28/3/2020 đến ngày 03/6/2020: 1.335.810.000 đồng x 6%/năm x 68 ngày = 15.365.847 đồng.

- Từ ngày 04/6/2020 đến ngày 11/6/2020: 1.174.113.199 đồng x 6%/năm x 8 ngày = 1.565.484 đồng.

- Từ ngày 12/6/2020 đến ngày 05/01/2021: 1.058.830.000 đồng x 6%/năm x 208 ngày = 36.706.107 đồng.

- Từ ngày 06/01/2020 đến ngày 05/5/2021: 978.830.000 đồng x 6%/năm x 120 ngày = 19.576.600 đồng.

Theo khoản 4 Điều 4.6 và điểm a khoản 5.2 Điều 5 của hợp đồng, hai bên thỏa thuận về lãi chậm thanh toán như sau: Công ty TTP phải trả thêm phần lãi suất ngân hàng nhà nước hiện hành trên tổng số tiền chậm trả, thời gian chậm trả không được quá 05 ngày. Mặc dù, tại bảng kê chi tiết công nợ đến ngày 28/02/2020 và biên bản thỏa thuận ngày 29/02/2010, hai bên cùng xác nhận số tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 28/02/2020 là 142.198.866 đồng. Nhưng cả hai văn bản này đều không ghi rõ mức lãi suất chậm thanh toán.

Như vậy hai bên có thỏa thuận về việc trả lãi chậm thanh toán nhưng thỏa thuận chưa rõ về mức lãi suất chậm thanh toán. Trường hợp này, Công ty MK được quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán theo Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005.

Tuy nhiên tại phiên tòa, đối với tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 29/02/2020 đến ngày 05/5/2021 Công ty MK chỉ áp dụng mức lãi suất chậm thanh toán là 6%/năm, là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán theo Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005. Điều này có lợi cho Công ty TTP.

Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 và Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hội đồng xét xử nhận thấy cách tính lãi chậm thanh toán này là phù hợp, chấp nhận số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 29/02/2020 đến ngày 05/5/2021 là 79.635.130 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Kỹ thuật Xây dựng TTP còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005.

[4] Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Công ty TTP phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm là 43.753.954 đồng.

Công ty MK không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 28.470.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0042812 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 142 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 3, Điều 24, Điều 50 và Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014),

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 1 MK.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Kỹ thuật Xây dựng TTP có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 1 MK số tiền mua hàng còn thiếu là 978.830.000 đồng (Chín trăm bảy mươi tám triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 29/02/2020 đến ngày 05/5/2021 là 79.635.130 đồng (Bảy mươi chín triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn một trăm ba mươi đồng) phát sinh từ Hợp đồng mua bán bê tông số 570/KD2/2017/CC1-MK ngày 16/12/2017. Tổng cộng là 1.058.465.130 đồng (Một tỷ không trăm năm mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm ba mươi đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Kỹ thuật Xây dựng TTP còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005.

3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Kỹ thuật Xây dựng TTP phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm là 43.753.954 đồng (Bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn chín trăm năm mươi bốn đồng).

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 1 MK không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 28.470.000 đồng (Hai mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0042812 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 1 MK được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Kỹ thuật Xây dựng TTP được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- VKSND Q.PN;
- Chi cục THA DS Q.PN;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Đăng Hà